

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày 12-7-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Nhung.

Ông Ngô Văn Hóa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1992.

Cư trú tại: khu phố H, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** anh Nguyễn Hoài S, sinh năm 1988.

Cư trú tại: khu phố L, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị G, anh S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hoài S chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng (nay là phường G, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình của anh S tại khu phố L, phường G, vợ chồng cùng làm công

nhân. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân là do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau, không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2014 đến nay, chị đã về nhà mẹ ruột của chị sống tại khu phố H, phường A, thị xã Trảng Bàng. Từ khi ly thân, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 21-8-2011 hiện đang sống cùng với anh S. Cháu D rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu D cho anh S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Hoài S trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị G về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ nhau vì kinh tế gia đình và vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn, tiếp tục chung sống cùng nhau. Nay anh đồng ý ly hôn chị G.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 người con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 21-8-2011 hiện đang sống cùng với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng G đối với anh Nguyễn Hoài S. Chị G được ly hôn anh S.

Về con chung: giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 21-8-2011 cho anh S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung, nợ chung: chị G, anh S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Nguyễn Hoài S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị G và anh S chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và đã tự ly thân từ năm 2014, nguyên nhân là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau, không còn quan tâm đến nhau và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị G yêu cầu ly hôn và anh S cũng đồng ý ly hôn chị G.

Xét thấy, chị G và anh S tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị G và anh S đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh S, cho chị G được ly hôn anh S là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Nguyễn D, sinh ngày 21-8-2011 hiện đang sống cùng anh S. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và chị G cũng đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh S. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu D cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để

tự nuôi mình.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị G, anh S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Về hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng G đối với anh Nguyễn Hoài S.

Chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn anh Nguyễn Hoài S.

#### **2. Về con chung:**

Giao cháu Nguyễn D, sinh ngày 21-8-2011 cho anh Nguyễn Hoài S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. Về tài sản chung: chị G, anh S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị G, anh S trình bày không có nợ chung.

5. Án phí: chị Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026452 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị G phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị G, anh S có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường G;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Minh Thư**